

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 80/2024/HS-ST

Ngày: 20-5-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trường

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Trí

Ông Trần Minh Trung

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trương Thị Kiều Diễm – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa:** Ông Lê Minh Điền - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 40/2024/TLST-HS ngày 20 tháng 02 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2024/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 3 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thái H (tên gọi khác: T), sinh năm 1990 tại Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi cư trú: Số H (số cũ 148/22), Tổ 74, Khu phố 8, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Thái H và bà Nguyễn Thị N; có vợ và 01 con; tiền án: Ngày 06/6/2018, bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xử phạt 04 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”; tiền sự: Ngày 08/4/2021, bị Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời gian 19 tháng; bị bắt, tạm giam ngày 04/5/2023; có mặt.

2. Lê Minh S (tên gọi khác: T), sinh năm 1994 tại tỉnh Bình Dương. Nơi cư trú: Số M, Tổ 68, Khu phố 8, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T và bà Hồ Thị T; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 11/4/2012, bị Tòa án nhân dân thành phố T xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”; ngày 21/8/2014, bị Tòa án nhân dân thành phố T xử phạt 3 năm 03 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”;

ngày 17/11/2023, bị Tòa án nhân dân thị xã B xử phạt 01 năm 02 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; bị bắt, tạm giam ngày 05/5/2023; có mặt.

3. Nguyễn Duy T, sinh năm 1990 tại tỉnh Bình Dương. Nơi cư trú: Số 3/24, khu phố B, phường X, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Nguyễn Phụng U; bị cáo có vợ (đã ly hôn) và 01 con; tiền án: Ngày 04/10/2018, bị Tòa án nhân dân thành phố T xử phạt 06 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 20/12/2007, bị Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) T đưa vào Trường giáo dưỡng với thời gian 24 tháng; ngày 25/11/2013, bị Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; ngày 24/02/2014, bị Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”; bị bắt, tạm giam ngày 05/5/2023; có mặt.

- Bị hại:

1. Bà Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1972. Nơi cư trú: Tổ 11, ấp L, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Chị Nguyễn Thị Bảo N, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Số 59/21A, đường P, Tổ 91, Khu phố 10, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Nguyễn Thị Huỳnh N, sinh năm 1981. Nơi cư trú: Khóm M, phường 9, thành phố C, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Nguyễn Phụng U, sinh năm 1967. Nơi cư trú: Số 3/24A, khu phố B, phường N, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 03/4/2023, Nguyễn Thái H điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Nouvo, màu đen-đỏ, biển số 69C1-012.83 chở người nam (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) đi tìm tài sản để trộm. Khi đi đến trước nhà số 87/24, đường L, Khu phố 12, phường P, thành phố T, H thấy túi xách (của bà Nguyễn Ngọc T) đang để trước nhà, H dừng xe lấy túi xách của bà T; khi H đi được một đoạn thì bà T đi ra nhìn thấy và tri hô, nhưng H đã chở người nam chạy thoát. Sau đó, H và người nam chia nhau số tài sản đã chiếm đoạt của bà T.

Cùng ngày 03/4/2023, bà Nguyễn Ngọc T đến Công an phường P trình báo bị mất các tài sản gồm: 01 điện thoại di động Oppo A77S, màu đen; 01 điện thoại di động hiệu Samsung A7, màu vàng đồng; 01 điện thoại di động Realme C2, màu xanh dương; 01 bộ nữ trang bằng vàng 18K; 01 vòng cẩm thạch bằng vàng 18K; 01

nhẫn vàng trắng 10K; 01 sợi dây chuyền kèm mặt vàng 10K; số tiền 1.200.000 đồng và một số giấy tờ cá nhân khác.

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 30/4/2023, Nguyễn Thái H và Lê Minh S đi tìm tài sản để trộm, S điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Jupiter (không rõ biển số, xe S mượn của người bạn, chưa xác định được nhân thân, lai lịch) chở H. Khi đi đến trước nhà số 162, đường C, Khu phố 4, phường P, thành phố T, H thấy xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu trắng-đen, biển số 61B1-980.45 của chị Nguyễn Thị Bảo N đang dựng trước nhà, H nói S dừng xe, H đi vào dẫn xe ra đường ngồi lên xe để S đẩy xe chạy đi.

Sau khi trộm được xe, H và S về nhà trọ của H tháo biển số 61B1-980.45 cất giấu. Tiếp đó, H và S đi đến nhà của Nguyễn Duy T bán xe cho T được số tiền 2.000.000 đồng; Nguyễn Duy T, biết xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu trắng-đen do H và S trộm được mà có nhưng thấy rẻ nên đồng ý mua; sau khi mua xe, T bán lại cho người nam tên T (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) số tiền 2.200.000 đồng. Khi phát hiện bị mất xe, chị Nguyễn Thị Bảo N đến Công an phường P trình báo.

Đến ngày 04/5/2023, Nguyễn Thái H đến Công an thành phố Thủ Dầu Một đầu thú về việc trộm tài sản của bà Nguyễn Ngọc T; H còn khai đã cùng Lê Minh S trộm xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển số 61B1-980.45 rồi đem đến bán cho Nguyễn Duy T. Cùng ngày 04/5/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra khám xét nhà trọ của H tại đường 30/4, Khu phố 3, phường C, thành phố Thủ Dầu Một và thu giữ biển số 61B1-980.45.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 151/KL-HĐĐGTS ngày 09/5/2023 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong Tổ tụng hình sự thành phố Thủ Dầu Một, kết luận: 01 điện thoại di động Oppo A77S, màu đen, trị giá 4.500.000 đồng; 01 điện thoại di động Samsung A7, màu vàng đồng, trị giá 1.500.000 đồng; 01 điện thoại di động Realme C2, màu xanh dương, trị giá 800.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 150/KL-HĐĐGTS ngày 09/5/2023 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong Tổ tụng hình sự thành phố Thủ Dầu Một, kết luận: Xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu trắng-đen, biển số 61B1-980.45, trị giá 11.000.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 256/KL-HĐĐGTS ngày 11/9/2023 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong Tổ tụng hình sự thành phố Thủ Dầu Một, kết luận: 01 túi xách bằng da màu xanh, trị giá 900.000 đồng; 01 nhẫn vàng trắng 10K, trọng lượng 5,35 phân, trị giá 1.547.000 đồng; 01 sợi dây chuyền (dây bi) vàng trắng 10K, trọng lượng 2,17 chỉ và 01 mặt dây chuyền vàng trắng 10K, trọng lượng 7,9 phân, trị giá 8.536.000 đồng; 01 vòng cẩm thạch bọc vàng 18K, trọng lượng 5,4 phân, trị giá 350.000 đồng; 01 nhẫn vàng 18K, trọng lượng 5,05 phân; 01 mặt dây chuyền vàng 18K, trọng lượng 6,35 phân; 01 lắc vàng 18K, trọng lượng 2,585 chỉ; 01 nhẫn vàng 18K, trọng lượng 3,75 phân; 01 dây chuyền vàng 18K, trọng lượng 2,43 chỉ, trị giá 12.684.000 đồng.

Theo kết luận định giá: Tổng giá trị tài sản bà T bị chiếm đoạt là 32.017.000 đồng, tổng giá trị tài sản chị N bị chiếm đoạt là 11.000.000 đồng. Quá trình điều tra, bà T yêu cầu H bồi thường số tiền 32.017.000 đồng, chị N yêu cầu H và S bồi thường số tiền 11.000.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định: Xe mô tô hiệu Yamaha Nouvo, biển số 69C1-012.83 do bà Nguyễn Thị Huỳnh N đứng tên trên giấy đăng ký. Ngày 03/4/2023, Nguyễn Thái H mượn xe của bà N để đi công việc, việc H sử dụng xe đi trộm tài sản bà N không biết, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không thu giữ xe. Đối với đối tượng nam đã cùng Nguyễn Thái H trộm túi xách của bà T, quá trình điều tra chưa xác định được nhân thân, lai lịch. Ngày 01/8/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả cho chị Nguyễn Thị Bảo N biển số xe 61B1-980.45.

Tại Cáo trạng số 56/CT-VKSTDM ngày 19/02/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một đã truy tố bị cáo Nguyễn Thái H và Lê Minh S về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Nguyễn Duy T về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, Kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố; đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thái H từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù;

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Minh S từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù và đề nghị tổng hợp hình phạt 01 năm 02 tháng tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số 225/2023/HSST ngày 17/11/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát để buộc Lê Minh S phải chấp hành hình phạt chung;

Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Duy T từ 01 năm 15 ngày đến 01 năm 03 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo Nguyễn Thái H bồi thường cho bà Nguyễn Ngọc T số tiền 32.017.000 đồng. Về biện pháp tư pháp: Đề nghị buộc bị cáo Nguyễn Duy T phải nộp lại số tiền 200.000 đồng thu lợi bất chính để sung vào ngân sách nhà nước.

Tại phần tranh luận, các bị cáo không tranh luận với Kiểm sát viên về tội danh, khung hình phạt, mức hình phạt, trách nhiệm dân sự và biện pháp tư pháp đã đề nghị.

Bị cáo Nguyễn Thái H nói lời sau cùng: Bị cáo rất ân hận về việc làm của mình, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để sớm trở về với gia đình.

Bị cáo Lê Minh S nói lời sau cùng: Bị cáo thấy việc làm của mình là sai trái, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Duy T nói lời sau cùng: Bị cáo rất hối hận về việc làm sai trái của mình, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thái H, Lê Minh S và Nguyễn Duy T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một đã truy tố. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án trong quá trình điều tra, vật chứng của vụ án, biên bản xác định hiện trường và các chứng cứ, tài liệu đã được thu thập có tại hồ sơ vụ án. Đủ cơ sở xác định: Ngày 03/4/2023, Nguyễn Thái H cùng đồng phạm nam đã có hành vi trộm 01 túi xách của bà Nguyễn Ngọc T bên trong có 1.200.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Oppo A77S; 01 điện thoại di động Samsung A7; 01 điện thoại di động Realme C2; 01 nhẫn vàng trắng 10K, trọng lượng 5,35 phân; 01 sợi dây chuyền vàng trắng 10K, trọng lượng 2,17 chỉ; 01 mặt dây chuyền vàng trắng 10K, trọng lượng 7,9 phân; 01 vòng cầm thạch bội vàng 18K, trọng lượng 5,4 phân; 01 nhẫn vàng 18K, trọng lượng 5,05 phân; 01 mặt dây chuyền vàng 18K, trọng lượng 6,35 phân; 01 lắc vàng 18K, trọng lượng 2,585 chỉ; 01 nhẫn vàng 18K, trọng lượng 3,75 phân; 01 dây chuyền vàng 18K, trọng lượng 2,43 chỉ; tổng giá trị tài sản là 32.017.000 đồng. Ngày 30/4/2023, Nguyễn Thái H và Lê Minh S đã có hành vi trộm chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển số 61B1-980.45 trị giá 11.000.000 đồng của chị Nguyễn Thị Bảo N. Ngày 30/4/2023, Nguyễn Duy T biết chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển số 61B1-980.45 do Nguyễn Thái H và Lê Minh S trộm được mà có, nhưng vẫn mua với giá 2.000.000 đồng rồi bán lại cho người khác 2.200.000 đồng để thu lợi bất chính số tiền 200.000 đồng.

[3] Như vậy, Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một và kết luận của Kiểm sát viên đề nghị truy tố bị cáo Nguyễn Thái H và Lê Minh S về “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự và truy tố bị cáo Nguyễn Duy T về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật; các bị cáo hoàn toàn đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, xâm phạm

đến trật tự an toàn xã hội; hành vi của các bị cáo còn gây mất trật tự, trị an tại địa phương. Về nhận thức, các bị cáo hoàn toàn biết hành vi trộm cắp và tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là vi phạm pháp luật hình sự nhưng vì tham lam, tư lợi và ý thức xem thường pháp luật nên các bị cáo đã cố tình thực hiện; do đó, các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý. Với hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện, cần phải có mức hình phạt tương xứng để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội cũng như nhằm răn đe và phòng ngừa tội phạm chung.

[5] Về vai trò đồng phạm: Bị cáo Nguyễn Thái H và Lê Minh S cùng nhau thực hiện hành phạm tội không có sự phân công chặt chẽ, thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn; tuy nhiên, bị cáo H là người khởi xướng và rủ bị cáo S đi trộm và là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, nên bị cáo H có vai trò chính trong vụ việc trộm cắp tài sản của chị N; bị cáo S thực hiện hành vi phạm tội với vai trò giúp sức cho bị cáo H. Bị cáo Nguyễn Duy T tự mình thực hiện hành phạm tội.

[6] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo H là phạm tội 02 lần và tái phạm; đối với bị cáo T là tái phạm. Đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; bị cáo S không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội đã đến Cơ quan Công an đầu thú (bị cáo H), đã tích cực tác động gia đình bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả (bị cáo T) và bị hại có yêu cầu giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo H và S. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[8] Đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội và các bị cáo đều có nhân thân xấu, nên đề nghị của Kiểm sát viên về mức hình phạt đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do các bị cáo không có tài sản riêng, nên không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với các bị cáo.

[9] Đối với đối tượng nam là người đã cùng với H thực hiện hành vi trộm tài sản của bà T, hiện chưa xác định được nhân thân, lai lịch, Cơ quan điều tra đang tiếp tục điều tra, khi nào bắt được sẽ xử lý sau.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Do tài sản của các bị hại không thu hồi được và bà Nguyễn Ngọc T yêu cầu bị cáo H phải bồi thường thiệt hại, tại phiên tòa bị cáo H đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bà T, nên cần buộc bị cáo H phải bồi thường cho bà T số tiền 32.017.000 đồng. Đối với tài sản của chị Nguyễn Thị Bảo N: Ngày 26/3/2024, bà Nguyễn Nguyễn Phượng U (mẹ bị cáo T) đã tự nguyện bồi thường cho chị N số tiền 12.000.000 đồng, chị N không yêu cầu bồi thường thêm và bà U cũng không có yêu cầu các bị cáo phải trả lại số tiền đã bỏ ra bồi thường cho chị N, nên không đặt ra xem xét.

[11] Về biện pháp tư pháp: Do bị cáo Nguyễn Duy T đã thu lợi bất chính số tiền 200.000 đồng từ việc bán chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển số 61B1-980.45, nên cần buộc bị cáo T phải nộp lại để sung vào ngân sách nhà nước.

[12] Án phí sơ thẩm: Các bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 260, 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thái H và Lê Minh S phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Duy T phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

2. Về trách nhiệm hình sự:

2.1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thái H 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 04/5/2023.

2.2. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Lê Minh S 01 (một) năm 05 (năm) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tổng hợp hình phạt 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số 225/2023/HSST ngày 17/11/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Buộc bị cáo Lê Minh S phải chấp hành hình phạt chung là 02 (hai) năm 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 05/5/2023.

2.3. Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy T 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 05/5/2023.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; các Điều 584, 585 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm

phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Buộc bị cáo Nguyễn Thái H bồi thường cho bà Nguyễn Ngọc T số tiền 32.017.000 đồng (ba mươi hai triệu không trăm mười bảy nghìn đồng).

Kể từ ngày án có hiệu lực thi hành và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa bồi thường hoặc bồi thường không đầy đủ thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

4. Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46 và Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Buộc bị cáo Nguyễn Duy T phải nộp số tiền 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) để sung vào ngân sách nhà nước.

5. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc các bị cáo Nguyễn Thái H, Lê Minh S và Nguyễn Duy T, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Nguyễn Thái H phải nộp 1.600.800 đồng (một triệu sáu trăm nghìn tám trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Công an tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Công an thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS TP. Thủ Dầu Một;
- Sở Tư Pháp tỉnh Bình Dương;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Trường